Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Phụ lục III

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG NĂM 2023 (BIỂU SỐ 61/CK-NSNN)

(Kèm theo Thông báo số 260 /TB-UBND ngày 16 /10/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 09 THÁNG NĂM 2022	THỰC HIỆN 09 THÁNG NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**19.094.445**	**9.679.744**	**11.970.926**	**63%**	**124%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**8.565.693**	**3.836.471**	**5.928.862**	**69%**	**155%**
II	**Chi thường xuyên**	**10.015.088**	**5.838.922**	**6.041.290**	**60%**	**103%**
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.954.889	2.585.980	2.777.311	70%	107%
2	Chi khoa học và công nghệ	28.546	18.785	19.489	68%	104%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.053.724	625.896	625.199	59%	100%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	100.963	48.037	69.447	69%	145%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	52.060	31.004	32.530	62%	105%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	58.387	56.409	53.778	92%	95%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	258.062	110.025	104.800	41%	95%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.388.576	420.455	414.538	30%	99%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.691.408	1.106.608	1.137.840	67%	103%
10	Chi bảo đảm xã hội	1.121.231	633.222	609.006	54%	96%
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**1.700**	**1.061**	**774**	**46%**	**73%**
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.510**	**3.290**			
V	**Dự phòng ngân sách**	**330.171**				
VI	**Chi mục tiêu từ ngân sách Trung ương**	**63.002**				
VII	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**	**117.281**				
B	**BỘI THU NSĐP**	**14.400**	**3.562**	**3.312**	**23%**	**93%**
1	Kế hoạch vốn vay	10.300				
2	Trả nợ vay	24.700	**3.562**	**3.312**	**13%**	**93%**